ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HỒI XUÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 914 /QĐ-UBND	*Hồi Xuân, ngày 22 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒI XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ xây dựng: số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 19/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 04/11/2026 của Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân về việc Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo KTKT và dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 06/11/2026 của Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư công trình: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số: 824/QĐ-UBND ngày 09/11/2026 của Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân về việc chỉ định đơn vị thực hiện Gói thầu số 01 - Tư vấn quản lý dự án công trình: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số: 831/QĐ-UBND ngày 09/11/2026 của Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân về việc chỉ định đơn vị thực hiện Gói thầu số 02 - Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 10/11/2026 của Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân về việc chỉ định đơn vị thực hiện Gói thầu số 03 - Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước;

Căn cứ Hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Công ty cổ phần công nghệ xây dựng và thương mại Sao Việt lập, đã được thẩm tra bởi Công ty CP tư vấn và xây lắp Hợp Thành tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 221/ BCTTr-CTHT ngày 21/11/2026.

Theo đề nghị của Ban điều hành các công trình dự án tại Tờ trình số 36/TTr-BĐHDA ngày 21/11/2026 (kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số 22/TB-KQTĐ ngày 21/11/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đầu tư dự án: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước.

2. Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C. Công trình giao thông, cấp IV**.**

3. Chủ đầu tư: Uỷ ban nhân dân xã Hồi Xuân.

4. Đơn vị tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần công nghệ xây dựng và thương mại Sao Việt..

5. Đơn vị quản lý dự án: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Quang Sơn.

6. Đơn vị tư vấn thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn và xây lắp Hợp Thành.

7. Quy mô, nội dung đầu tư

Trên cơ sở nền mặt đường hiện trạng, đầu tư nâng cấp 1.489,08m đường giao thông đảm bảo tiêu chuẩn đường giao thông cấp A miền núi theo TCVN 10380-2014; bề rộng nền đường Bn=7,5m; bề rộng mặt đường Bm=5,5m. Mặt

đường bê tông nhựa; thiết kế hệ thống cống qua đường, rãnh thoát nước dọc và hệ thống ATGT.

7.1. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ, hướng tuyến:

- Tuyến đường thiết kế từ K0+00 – K1+489.08; điểm đầu tuyến giao với ngã 3 đi UB xã và khu dân cư; điểm cuối tuyến nối với đường hiện trạng đi Bá Thước.

- Tốc độ thiết kế: ≤20 km/h

b) Trắc dọc tuyến:

Cao độ đường đỏ được thiết kế đảm bảo tần suất P=4% và yêu cầu kỹ thuật của cấp đường. Cao độ thiết kế trên mặt cắt dọc là cao độ tim đường.

Tổng chiều dài tuyến L=1.489,08m, độ dốc dọc lớn nhất I_{max}=12,73%.

Tuyến đi qua khu vực đồi núi cao, vực sâu, quanh co; taluy âm, dương độ dốc lớn. Tuyến đường không thể hạ cao độ và mở rộng taluy được nhiều (nguy cơ cao gây mất an toàn); vì vậy dốc dọc tuyến cơ bản giữ như hiện trạng.

c) Trắc ngang tuyến:

+ Bề rộng mặt đường: Bm= 5,50m, dốc ngang mặt đường Im=2%.

+ Bề rộng nền đường: Bn= 7,50m

+ Bề rộng lề đường: Bl = 1,0m*2 bên

+ Dốc dọc lớn nhất: Imax= 12,73%.

+ Thiết kế nền: Nền đường là mặt đường hiện trạng và mở rộng đắp đất đầm chặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

d) Kết cấu áo đường:

- Phần cải tạo trên nền đường cũ (KCAD 1) có kết cấu từ trên xuống dưới như sau:

+ Mặt đường bê tông nhựa C16 dày 6cm.

+ Bù vênh bê tông nhựa mặt đường cũ dày TB 2cm.

+ Tưới nhựa thấm bám lượng nhựa 0,8kg/m2.

+ Mặt đường hiện trạng.

- Phần mở rộng, làm mới (KCAD 2) có kết cấu từ trên xuống dưới như sau:

+ Mặt đường bê tông nhựa C16 dày 6cm.

+ Tưới nhựa thấm bám lượng nhựa 0,8kg/m2.

+ Móng cấp phối đá dăm lớp trên dày 16cm.

+ Móng cấp phối đá dăm lớp dưới dày 16cm.

+ Nền đường đất đắp đầm chặt K95 dày TB 30cm.

e) Thoát nước dọc tuyến:

- Thiết kế rãnh thoát nước bê tông hình thang KT 0,65x0,46x1,2m bên trái tuyến đường, chiều dài 1.434,08m từ Km0+00 - Km1+489.08 (trừ các đoạn có cống ngang chiếm chỗ là 55m). Kết cấu rãnh BTXM đá 1x2 M200 dày 18cm, bên dưới lót nilong tái sinh chống mất nước.

Trong đó: có 13m rãnh giao với đường dân sinh, đường đi khu sản xuất lâm nghiệp của người dân, xây dựng thêm 13 tấm nắp chịu lực BTCT đá 1x2 M250 kích thước 136x100cm dày 15cm.

- Phần còn lại của toàn bộ tuyến đường một phần thoát nước bằng rãnh đào hình thang, chảy tỏa nước thoát theo độ dốc dọc tuyến đường; một phần thoát theo độ dốc mặt đường về rãnh và khu thấp hơn.

f) Thoát nước ngang:

- Xây dựng cống thoát nước ngang đường bằng BTCT vĩnh cửu, khẩu độ 3,0x2,0m; chiều dài cống 7,6m tại cọc P26 (Km1+239,89). Tải trọng thiết kế H30 - XB80, tần suất thiết kế P = 4%.

Kết cấu cống bản: Móng cống, sân cống, chân khay, gia cố thượng hạ lưu bằng BTXM đá 1x2 M200; tường cánh, tường thân bằng BTXM đá 1x2 M200; móng cống đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Bản vượt bằng BTCT đá 1x2 M250; tấm bản, gờ chắn bánh, phủ mặt cống bằng BTCT đá 1x2 M300; mũ mố bằng BTCT đá 1x2 M250.

- Các cống ngang đường hiện trạng giữ nguyên. Xây dựng nối dài thêm cống bản B=2m, dài L=3m tại cọc 18 (Km0+586.78). Kết cấu móng cống, sân cống, chân khay bằng BTXM đá 1x2 M200; tường cánh, tường thân bằng BTXM đá 1x2 M200; móng cống đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Bản vượt bằng BTCT đá 1x2 M250; tấm bản, gờ chắn bánh, phủ mặt cống bằng BTCT đá 1x2 M300; mũ mố bằng BTCT đá 1x2 M250.

g) Hệ thống an toàn giao thông:

Thiết kế sơn vạch sơn kẻ tim đường và các gờ giảm tốc đảm bảo an toàn.

- Vạch sơn kẻ tim đường số 1.1, dày 2mm, màu vàng; rộng 15cm, dài 100cm, cách nhau 200cm/vạch. Sơn toàn bộ tim của tuyến đường dài **1.489,08m**.

- Vạch sơn gờ giảm tốc gồm 03 cụm: Cụm 01 loại 7 vạch, cụm 02 loại 6 vạch, cụm 03 loại 5 vạch. Vạch sơn dày 6mm, màu vàng; rộng 20cm, dài 5,5m; cách nhau 40cm/vạch. Sơn 03 cụm tại đoạn cong cua gần đầu tuyến đường.

8. Thiết kế chi tiết của dự án: Theo kết quả thẩm định của phòng Kinh tế tại Báo cáo thẩm định số 22/TB-KQTĐ ngày 21/11/2026.

9. Số bước thiết kế: 01 bước.

10. Địa điểm đầu tư: Bản Phú Nghiêm, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

11. Tổng mức đầu tư của dự án: 8.400.000.000 đồng *(Bằng chữ: tám tỷ bốn trăm triệu đồng).*

Trong đó:

- Chí phí xây dựng: 7.150.670.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 215.914.000 đồng;
- Chi phí tư vấn: 624.144.000 đồng;
- Chi phí khác: 87.256.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 322.016.000 đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư:

Hợp phần I - Nguồn vốn đầu tư chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm2030.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Tư vấn quản lý dự án, phòng Kinh tế thẩm định dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND xã, Chủ tịch UBND xã, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định dự án.

2. Ban điều hành các công trình, dự án đầu tư công và xây dựng cơ bản trên địa bàn xã Hồi Xuân:

- Khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Quyết định này; có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả; không được để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong đầu tư.

- Thực hiện Báo cáo định kỳ giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định và các nội dung liên quan khác theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND xã về các quyết định của mình trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3. Các phòng ban, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực, đơn vị mình; phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Các PCT UBND xã;
- Đơn vị TV QLDA;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HỒI XUÂN T. THANH HÓA

Lê Văn Dũng

Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án: Nâng cấp đường Yên Ngựa đi Bá Thước
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**6,620,990,721**	**529,679,258**	**7,150,670,000**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				6,478,464,502	518,277,160	6,996,741,662	
1.1.1	GIAO THÔNG, THOÁT NƯỚC		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	6,478,464,502	518,277,160	6,996,741,662	
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	142,526,219	11,402,098	153,928,317	
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3.024%**	**1.35**	**Quyết định 798/QĐ-UBND ngày 04/11/2026**	**199,920,370**	**15,993,630**	**215,914,000**	
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**577,909,629**	**46,232,771**	**624,144,000**	
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Quyết định 798/QĐ-UBND ngày 04/11/2026	67,717,593	5,417,407	73,135,000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.4 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3.078%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	199,407,137	15,952,571	215,360,000	Gxdlt
3.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0.336%	1.2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	26,121,169	2,089,694	28,211,000	**Gqlda**
3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.22 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0.346%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	22,415,487	1,793,239	24,209,000	**Gtv**
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3.203%	1.2	Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	249,006,262	19,920,501	268,927,000	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
3.6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0.1%		Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ	6,620,991	529,679	7,151,000	
3.7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0.1%		Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ	6,620,991	529,679	7,151,000	
4	**Chi phí khác**				**82,244,400**	**5,011,776**	**87,256,000**	
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0.019%	0.5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	798,000		798,000	**Gk**
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0.448%	0.5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	18,799,200		18,799,200	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0.746%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	62,647,200	5,011,776	67,659,000	
5	**Chi phí dự phòng**						**322,016,000**	
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	3.986%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			322,015,786	**Gxdct**
	Tổng cộng				**7,481,065,120**	**596,917,435**	**8,400,000,000**	
Bằng chữ: Tắm tỷ, bốn trăm triệu đồng./.								